

Số: 04/C.BTT-2024

Hải Phòng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Lilama 69-2 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 sau kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Lilama 69-2

- Mã chứng khoán: L62

- Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0225.3525195 Fax: 0225.3824562

- Email: [info@lilama69-2.com.vn](mailto:info@lilama69-2.com.vn) Website: <http://lilama69-2.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023 đã được kiểm toán

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/03/2024 tại đường dẫn: <http://lilama69-2.com.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023. (Không phát sinh)

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

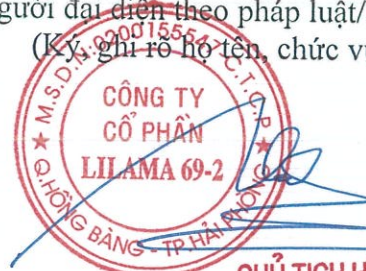
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp(%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

### Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT *lhm*  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Vũ Kế Chương*

Tài liệu đính kèm:

- BCTC...

- Văn bản giải trình...

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
LILAMA 69-2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 – 33





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên
Ông Trương Đức Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2023)
Bà Lê Thị Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2023)

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Thùy Trang	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 30/6/2023)
Bà Phùng Phương Linh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 30/6/2023)
Ông Nguyễn Quang Thi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/6/2023)
Ông Đào Anh Nghị	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/6/2023)
Bà Vũ Thị Ngà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2023)

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Trung Hiếu	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01/9/2023)
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/02/2023)
Bà Vũ Thị Ngà	Kế toán trưởng

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán độc lập kèm theo, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Kế Chương**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024





# RSM

RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội  
Tầng 25 Tháp A, Tòa nhà Discovery Complex,  
Số 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,  
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

T: 024 3795 5353

F: 024 3795 5252

[www.rsm.global/vietnam](http://www.rsm.global/vietnam)

[www.rsmhanoi.com.vn](http://www.rsmhanoi.com.vn)

Số: 65/2024/RSMHN-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
của Công ty Cổ phần Lilama 69-2

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 69-2**

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày từ trang 07 đến trang 33.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU**  
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Tại Báo cáo kiểm toán cho năm 2022, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khả năng hoạt động liên tục, tình hình xác nhận công nợ và khoản chi phí tiền chậm nộp bảo hiểm xã hội. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục xác nhận số dư tại ngày 01/01/2023 của các khoản phải thu, các khoản phải trả và chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị lần lượt khoảng 207,81 tỷ VND, 129,16 tỷ VND và 5,33 tỷ VND.

Các vấn đề trên vẫn còn tồn tại trong năm 2023 và các vấn đề phát sinh:

- Tại ngày 31/12/2023, số dư của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng, các công trình dở dang tồn đọng không xác định được giá trị cần trích lập dự phòng lần lượt khoảng 103,18 tỷ VND và 82,15 tỷ VND;
- Các khoản công nợ phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước, phải trả người bán, trả trước cho người bán, phải thu khác, tạm ứng, phải trả khác tại ngày 31/12/2023 chưa được đối chiếu lần lượt khoảng 97,94 tỷ VND, 25,86 tỷ VND, 54,18 tỷ VND, 25,52 tỷ VND, 10,61 tỷ VND, 12,34 tỷ VND và 3,21 tỷ VND.

Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ và hợp lý của các khoản mục này tại ngày 31/12/2023 cũng như những ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được sử dụng như số liệu so sánh tại ngày 01/01/2023 và các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh 2.2 "Giả định về tính hoạt động liên tục", tại ngày 31/12/2023, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang lớn hơn tài sản ngắn hạn khoảng 99,46 tỷ VND và Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế từ khi bắt đầu thành lập đến ngày 31/12/2023 khoảng 137,30 tỷ VND, dẫn đến âm vốn chủ sở hữu khoảng 31,10 tỷ VND. Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) đã gửi đơn khởi kiện Công ty ra trước Tòa án Nhân dân Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng do Công ty không thể thanh toán đúng hạn các khoản nợ. Điều này dẫn đến hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty vẫn đang làm việc với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện cơ cấu các khoản vay và nợ thuê tài chính. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của sự kiện tái cơ cấu này. Tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng thích hợp để đưa ra được ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

### **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc. Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 064/2023/BCKTTH-PB.00081 phát hành ngày 17/4/2023, Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các khoản: "Phải trả ngắn hạn khác", "Chi phí khác" và "Lợi nhuận sau thuế" liên quan đến ghi nhận thiếu chi phí chậm nộp tiền bảo hiểm số tiền 6,9 tỷ VND. Chưa thu thập được thư xác nhận và các bằng chứng kiểm toán khác liên quan đến công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng, phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng), phải trả cho người bán ngắn hạn và các khoản trả trước cho người bán với giá trị tương ứng lần lượt khoảng 105 tỷ VND, 52 tỷ VND, 57 tỷ VND và 13 tỷ VND. Đồng thời kiểm toán viên nhiệm đã đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty do nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn khoảng 10,82 tỷ VND và Công ty không thể tái đàm phán hay có được các thỏa thuận thay thế cho các khoản nợ phải trả quá hạn với các ngân hàng.



**Nguyễn Thành Lâm**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0299-2024-026-1

**Hoàng Anh Tú**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
4413-2023-026-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>417.072.932.755</b>	<b>505.190.900.048</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>1.108.096.156</b>	<b>3.113.865.893</b>
1. Tiền	111		1.108.096.156	3.113.865.893
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>194.543.851.124</b>	<b>253.179.060.596</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	113.646.256.292	162.417.089.663
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	25.523.422.696	26.734.844.219
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	74.779.803.278	78.171.668.814
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(19.405.631.142)	(14.144.542.100)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>221.394.601.681</b>	<b>248.583.179.760</b>
1. Hàng tồn kho	141		233.060.222.511	248.583.179.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.665.620.830)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.383.794</b>	<b>314.793.799</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	26.383.794	30.455.823
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	284.337.976
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>69.426.775.625</b>	<b>83.022.435.134</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.125.588.341</b>	<b>2.081.595.509</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	2.125.588.341	2.081.595.509
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>62.729.884.999</b>	<b>70.881.302.932</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	62.107.510.478	70.164.390.515
Nguyên giá	222		181.831.205.682	181.886.205.682
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.723.695.204)	(111.721.815.167)
2. Tài sản cố định vô hình	227		622.374.521	716.912.417
Nguyên giá	228		1.881.110.846	1.881.110.846
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.258.736.325)	(1.164.198.429)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>5.332.657.108</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	5.332.657.108
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.571.302.285</b>	<b>4.726.879.585</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	4.571.302.285	4.726.879.585
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>486.499.708.380</b>	<b>588.213.335.182</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>517.589.465.723</b>	<b>516.702.338.966</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>516.536.980.774</b>	<b>515.608.054.017</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	69.751.917.979	109.390.510.687
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	26.627.283.979	59.510.133.356
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	31.238.210.606	27.421.976.438
4. Phải trả người lao động	314		7.767.587.333	1.879.890.752
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	2.063.004.440	5.043.358.588
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	114.351.126.799	57.913.722.749
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	263.030.637.562	252.477.766.629
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.707.212.076	1.970.694.818
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.052.484.949</b>	<b>1.094.284.949</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	1.052.484.949	1.094.284.949
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.15</b>	<b>(31.089.757.343)</b>	<b>71.510.996.216</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(31.089.757.343)</b>	<b>71.510.996.216</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.854.216.596	19.854.216.596
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.333.125.863	3.333.125.863
5. (Lỗ) lũy kế	421		(137.295.992.075)	(34.695.238.516)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(34.695.238.516)	(135.554.510)
- (Lỗ) năm nay	421b		(102.600.753.559)	(34.559.684.006)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>486.499.708.380</b>	<b>588.213.335.182</b>



Vũ Kế Chương  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Vũ Thị Nga  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thúy  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
<b>1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>5.1</b>	<b>80.235.908.244</b>	<b>119.653.344.080</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>80.235.908.244</b>	<b>119.653.344.080</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	78.281.776.731	82.962.001.687
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.954.131.513</b>	<b>36.691.342.393</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		464.838.999	529.446.289
7. Chi phí tài chính	22	5.3	58.362.533.669	31.841.442.328
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.271.676.575	31.834.666.353
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	17.325.556.491	24.859.836.164
<b>10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(73.269.119.648)</b>	<b>(19.480.489.810)</b>
11. Thu nhập khác	31	5.5	1.110.166.408	665.984.689
12. Chi phí khác	32	5.6	29.706.159.163	15.552.868.543
<b>13. (Lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>(28.595.992.755)</b>	<b>(14.886.883.854)</b>
<b>14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(101.865.112.403)</b>	<b>(34.367.373.664)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	735.641.156	192.310.342
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(102.600.753.559)</b>	<b>(34.559.684.006)</b>
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	(12.364)	(4.165)
19. (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	(12.364)	(4.165)



Vũ Kế Chương  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Vũ Thị Nga  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thúy  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. (Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.7</b>	<b>(101.865.112.403)</b>	<b>(34.367.373.664)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.401.417.933	8.839.029.946
- Các khoản dự phòng	03		16.926.709.872	7.088.512.010
- (Lãi) chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(361.227.429)	(103.627.115)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(127.338.325)	(536.678.726)
- Chi phí lãi vay	06	5.3	58.271.676.575	27.452.667.984
<b>3. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(18.753.873.777)</b>	<b>8.372.530.435</b>
- Giảm các khoản phải thu	09		53.975.445.770	33.812.096.887
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		15.522.957.249	(46.657.634.185)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(58.238.934.937)	48.783.899.161
- Giảm chi phí trả trước	12		159.649.329	414.626.653
- Tiền lãi vay đã trả	14		(373.687.120)	(13.387.284.972)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(263.482.742)	(107.217.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.971.926.228)</b>	<b>31.231.016.079</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(250.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		92.592.593	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.745.732	24.609.633
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(122.661.675)</b>	<b>24.609.633</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		14.501.175.952	15.629.171.820
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.412.605.019)	(43.368.596.087)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.218.258.944)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>6.088.570.933</b>	<b>(28.957.683.211)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(2.006.016.970)</b>	<b>2.297.942.501</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.1</b>	<b>3.113.865.893</b>	<b>815.923.392</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		247.233	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>1.108.096.156</b>	<b>3.113.865.893</b>



**Vũ Kế Chương**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

**Vũ Thị Nga**  
Kế toán trưởng

**Đỗ Thị Thúy**  
Người lập



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LILAMA 69-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200155547 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16/12/2004. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 08 ngày 09/7/2022.

Ngày 21/4/2008, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là L62 theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 112/QĐ – TTGDHN của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cấp ngày 26/3/2008.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 82.982.430.000 VND, chia thành 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Số 26 phố Tân Viên, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 60 người (tại ngày 01/01/2023 là 77 người).

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xây lắp.

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tính đến ngày 31/12/2023, Công ty có 01 chi nhánh hạch toán độc lập với hoạt động kinh doanh chính là xây lắp, cụ thể: Chi nhánh Công ty CP Lilama 69 - 2 – XI nghiệp Lắp máy và Xuất nhập khẩu, địa chỉ tại Số 236-238 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

#### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

#### **2.2 Giả định về tính hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2023, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang lớn hơn tài sản ngắn hạn khoảng 99,4 tỷ VND và Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế từ khi bắt đầu thành lập đến ngày 31/12/2023 khoảng 137,2 tỷ VND, dẫn đến âm vốn chủ sở hữu khoảng 31,10 tỷ VND. Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) đã gửi đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Lilama 69-2 ra trước Tòa án Nhân dân Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng do Công ty không thể thanh toán đúng hạn các khoản nợ. Điều này dẫn đến hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai.

Báo cáo tài chính tổng hợp không bao gồm bất kỳ một sự điều chỉnh nào liên quan đến khả năng thu hồi và phân loại lại giá trị tài sản đã ghi nhận hoặc liên quan đến giá trị hoặc phân loại lại các khoản nợ phải trả được coi là trọng yếu trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động. Giả định này là giả thuyết về các sự kiện trong tương lai mà kết quả của nó cơ bản là không chắc chắn.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty vẫn đang làm việc với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện cơ cấu các khoản vay và nợ thuê tài chính. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của sự kiện tái cơ cấu này. Không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng, Công ty sẽ không hoạt động trong vòng 12 tháng tới. Do vậy, các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

#### **2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

#### **3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

#### **3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

### **3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính theo đánh giá của Ban Tổng giám đốc dựa trên giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất;
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.*

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải	02 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

### **3.8 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

### **3.9 Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### **3.10 Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### **3.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh giá vốn của hoạt động xây lắp, bán phế liệu và dịch vụ. Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.*

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

### **3.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### **3.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.15 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.16 Thuế**

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2023, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của hoạt động xây lắp, dịch vụ do Công ty cung cấp theo mức thuế suất 10%.

Theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết 101/2023/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24/6/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

#### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	500.547.851	1.090.482.030
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	607.548.305	2.023.383.863
<b>Cộng</b>	<b>1.108.096.156</b>	<b>3.113.865.893</b>

**4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải thu bên thứ ba</b>	<b>113.646.256.292</b>	<b>162.417.089.663</b>
Công ty CP Cơ khí và Lắp máy Việt Nam	7.559.368.392	15.955.570.463
Các đối tượng khác	106.086.887.900	146.461.519.200
<b>Cộng</b>	<b>113.646.256.292</b>	<b>162.417.089.663</b>

**4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Trả trước cho bên thứ ba</b>	<b>25.523.422.696</b>	<b>26.734.844.219</b>
Công ty CP Máy và Thiết bị Việt Hải	8.362.433.000	9.120.637.940
Công ty TNHH Ngọc Dàn	3.796.084.011	3.796.084.011
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Phát triển An Sơn	3.600.000.000	3.600.000.000
Các đối tượng khác	9.764.905.685	10.218.122.268
<b>Cộng</b>	<b>25.523.422.696</b>	<b>26.734.844.219</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

**4.4 Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu người lao động (i)	62.895.274.336	62.497.512.660
Ký cược, ký quỹ	1.020.245.657	3.734.895.623
Phải thu khác	10.864.283.285	11.939.260.531
<b>Cộng</b>	<b>74.779.803.278</b>	<b>78.171.668.814</b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	2.125.588.341	2.081.595.509
<b>Cộng</b>	<b>2.125.588.341</b>	<b>2.081.595.509</b>

(i) Đây là các khoản tạm ứng cho nhân viên để chi trả chi phí thi công các công trình.

**4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty CP Dệt may Xuất khẩu Hải Phòng	3.530.030.467	3.530.030.467
Công ty Xuất nhập khẩu Điện khí Thượng Hải	3.028.418.120	3.028.418.120
Alstom Đà Loan (Linkou)	2.973.979.566	2.973.979.566
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Việt Vương	2.200.207.704	2.200.207.704
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 3	1.914.324.740	1.914.324.740
Các đối tượng khác	2.071.966.214	497.581.503
Dự phòng phải thu người lao động (i)	3.686.704.331	-
<b>Cộng</b>	<b>19.405.631.142</b>	<b>14.144.542.100</b>

(i) Dự phòng các khoản phải thu tạm ứng nhân viên chi tiết tại Thuyết minh 4.4 "Phải thu khác".



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

**4.6 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	26.383.794	30.455.823
<b>Cộng</b>	<b>26.383.794</b>	<b>30.455.823</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và các chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất tại An Lão (i)	4.562.140.005	4.680.752.109
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.162.280	46.127.476
<b>Cộng</b>	<b>4.571.302.285</b>	<b>4.726.879.585</b>

(i) Đây là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và các chi phí khác của lô đất địa chỉ Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng diện tích 54.759,4 m<sup>2</sup> với thời hạn sử dụng 50 năm.

**4.7 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Giá gốc</b>	<b>233.060.222.511</b>	<b>248.583.179.760</b>
Nguyên liệu, vật liệu	27.745.395.939	38.181.059.948
Công cụ, dụng cụ	598.365.241	660.514.584
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	204.716.461.331	209.741.605.228
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>(11.665.620.830)</b>	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(11.665.620.830)	-
<b>Cộng</b>	<b>221.394.601.681</b>	<b>248.583.179.760</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)****4.7 Hàng tồn kho (tiếp)**

(i) Tại ngày 31/12/2023, chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các công trình tồn đọng từ các năm trước</b>	<b>157.178.378.380</b>	<b>(11.665.620.830)</b>	<b>167.551.165.049</b>	-
Kết cấu thép cung quy hoạch hội chợ triển lãm tỉnh Quảng Ninh	16.900.060.151	-	16.900.060.151	-
Thiết kế, chế tạo, cung cấp và lắp dựng hoàn thiện nhà xưởng - CN Nam Thuận tại Hải Phòng	15.985.572.799	-	15.985.572.799	-
Mua sắm vật tư, gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép kho than	15.802.612.770	-	14.336.820.794	-
Gia công, chế tạo, vận chuyển và cung cấp kết cấu thép công trình cáp treo 6 Bà Nà	13.065.932.731	-	13.041.089.864	-
CTTB DA NM điện BARH	11.450.535.662	-	11.450.535.662	-
Các công trình khác	83.973.664.267	(11.665.620.830)	95.837.085.779	-
<b>Các công trình đang thi công dở dang</b>	<b>47.538.082.951</b>	-	<b>42.190.440.179</b>	-
Sản xuất và lắp dựng kết cấu thép khung, kèo xà gồ nhà xưởng và phụ trợ	30.875.717.860	-	30.797.621.558	-
Cung cấp vật liệu gia công kết cấu thép	6.463.210.259	-	6.216.356.845	-
Thi công lắp đặt giá đỡ đường ống	6.839.939.791	-	5.176.461.776	-
Hạng mục sàn thao tác và kết cấu thép phụ hệ thống tải tro xỉ - Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2	3.359.215.041	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>204.716.461.331</b>	<b>(11.665.620.830)</b>	<b>209.741.605.228</b>	-



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

## 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2023	90.797.357.024	58.270.101.859	32.282.361.760	536.385.039	181.886.205.682
Mua sắm	-	-	250.000.000	-	250.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(305.000.000)	-	(305.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	90.797.357.024	58.270.101.859	32.227.361.760	536.385.039	181.831.205.682
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2023	41.807.686.084	38.507.046.506	30.949.597.069	457.485.508	111.721.815.167
Khấu hao	4.533.526.284	3.394.097.923	356.861.771	22.394.059	8.306.880.037
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(305.000.000)	-	(305.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	46.341.212.368	41.901.144.429	31.001.458.840	479.879.567	119.723.695.204
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2023	48.989.670.940	19.763.055.353	1.332.764.691	78.899.531	70.164.390.515
Tại ngày 31/12/2023	44.456.144.656	16.368.957.430	1.225.902.920	56.505.472	62.107.510.478

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 58.198.885.628 VND (tại ngày 01/01/2023 là 55.077.095.946 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2023 là 38.825.678.796 VND (tại ngày 01/01/2023 là 43.478.080.598 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

**4.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải trả bên thứ ba</b>	<b>69.751.917.979</b>	<b>109.390.510.687</b>
Công ty CP Phát triển Công nghiệp Hoàng Dương	8.295.809.881	8.295.809.881
Công ty CP Thương mại Thái Giang	2.078.151.293	10.539.567.935
Các đối tượng khác	59.377.956.805	90.555.132.871
<b>Cộng</b>	<b>69.751.917.979</b>	<b>109.390.510.687</b>

**4.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Bên thứ ba trả tiền trước</b>	<b>26.627.283.979</b>	<b>59.510.133.356</b>
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Thuận	14.000.000.000	14.000.000.000
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	14.975.619.573
Công ty CP Cơ khí và Lắp máy Việt Nam	-	7.787.146.663
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	-	6.670.934.338
Các đối tượng khác	12.627.283.979	16.076.432.782
<b>Cộng</b>	<b>26.627.283.979</b>	<b>59.510.133.356</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)****4.11 Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2023		Trong năm		Tại ngày 31/12/2023	
	VND		VND		VND	
	Số dư	Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT được khấu trừ	284.337.976	4.549.700.946	4.834.038.922	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	10.600.815.505	8.280.301.087	-	-	7.978.938.757
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	457.414.716	735.641.156	-	-	1.193.055.872
Thuế thu nhập cá nhân	-	156.328.684	312.657.368	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất (i)	-	3.346.335.424	2.007.899.492	-	-	3.812.305.571
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (ii)	-	13.162.444.439	5.094.665.967	-	-	18.253.910.406
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>27.421.976.438</b>	<b>12.924.572.365</b>	<b>16.740.806.533</b>	<b>-</b>	<b>31.238.210.606</b>

(i) Đây là tiền thuế đất của các thửa đất có địa chỉ tại số 26 Tân viên và Quán Toan, Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

(ii) Số dư bao gồm các khoản phạt chậm nộp thuế theo giá trị Công ty đang tạm ghi nhận theo Quyết định số 5050/QĐ-CTHPH ngày 28/11/2023 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng. Công ty đang trình rà soát lại các khoản chậm nộp và có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

**4.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.336.067.166	1.336.127.963
Trích trước chi phí công trình	726.937.274	3.707.230.625
<b>Cộng</b>	<b>2.063.004.440</b>	<b>5.043.358.588</b>

**4.13 Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>8.316.499.999</b>	<b>12.738.999.999</b>
Ông Vũ Kế Chương (i)	8.316.499.999	12.738.999.999
<b>Phải trả bên thứ ba</b>	<b>106.034.626.800</b>	<b>45.174.722.750</b>
Các khoản trích theo lương	14.451.980.688	17.264.507.006
Lãi vay phải trả (i)	75.663.892.791	17.670.169.636
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng	68.654.631.396	17.304.312.006
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng	5.735.748.084	365.857.630
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	1.273.513.311	-
Lãi chậm nộp BHXH	7.851.524.940	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.067.228.381	10.240.046.108
<b>Cộng</b>	<b>114.351.126.799</b>	<b>57.913.722.749</b>

(i) Khoản mượn tiền của ông Vũ Kế Chương, kỳ hạn 12 tháng, không có lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

(ii) Bao gồm lãi vay phải trả trong hạn và quá hạn cho các khoản vay chi tiết tại Thuyết minh 4.14 "Vay và nợ thuê tài chính".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

**4.14 Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2023		Trong năm		Tại ngày 31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	252.477.766.629		14.201.175.952	3.648.305.019	263.030.637.562	
<b>Bên thứ ba</b>	252.477.766.629		14.201.175.952	3.648.305.019	263.030.637.562	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng (i)	216.166.304.858	Không xác định	14.201.175.952	3.532.376.540	226.835.104.270	Không xác định
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	27.780.461.771	Không xác định	-	15.928.479	27.764.533.292	Không xác định
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (iii)	7.858.000.000	Không xác định	-	-	7.858.000.000	Không xác định
Các cá nhân khác	673.000.000	Không xác định	-	100.000.000	573.000.000	Không xác định
<b>Cộng</b>	252.477.766.629	Không xác định	14.201.175.952	3.648.305.019	263.030.637.562	Không xác định
	Tại ngày 01/01/2023		Trong năm		Tại ngày 31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>	1.094.284.949		-	41.800.000	1.052.484.949	
<b>Bên thứ ba</b>	1.094.284.949		-	41.800.000	1.052.484.949	
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng (iv)	1.094.284.949	Không xác định	-	41.800.000	1.052.484.949	Không xác định
<b>Cộng</b>	1.094.284.949	Không xác định	-	41.800.000	1.052.484.949	Không xác định



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thương Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)****4.14 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

(i) Trong năm của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hải Phòng đã buộc Công ty nhận nợ 14.201.175.952 VND trong ngắn hạn để giải tỏa bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng khi hợp đồng không thực hiện được cho Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam theo hợp đồng số 089/2022/HĐGC/VCG-L62 ngày 08/02/2022.

(ii) Ngày 04/5/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) đã gửi đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Lilama 69 - 2 ra trước Tòa án Nhân dân Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng nhằm yêu cầu Công ty hoàn trả lại nợ cho MB toàn bộ nợ gốc, lãi và phạt chậm trả tạm tính đến ngày 15/3/2023 và lãi quá hạn phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ngày 12/12/2023, Tòa án Nhân dân Quận Hồng Bàng ban hành thông báo số 15/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án.

Chi tiết các hợp đồng vay tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

Số	Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (1.000 VND)	Nợ gốc (1.000 VND)	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo	Tình trạng nợ vay
(i)	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 520/2021/HDHM- PN/SHB 110400 ngày 29/12/2021	250.000.000	226.835.104	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ, hiện tại đã quá hạn nên lãi suất bằng 150% lãi suất ban đầu	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh chế tạo kết cấu, lắp đặt thiết bị, chế tạo lắp máy, sản xuất và kinh doanh thiết bị lọc tính điện.	Các tài sản được quy định trong hợp đồng thế chấp (bao gồm: 02 bất động sản, 03 phương tiện vận tải, 02 lô máy móc thiết bị và 26 quyền đòi nợ)	Các khoản vay trên đã quá hạn
(ii)	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 31600.20.257.1339 407.TD ngày 03/07/2020	50.000.000	27.764.533	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ, hiện tại đã quá hạn nên lãi suất bằng 150% lãi suất ban đầu	Tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình và sản xuất thiết bị lọc bụi tính điện của khách hàng	Các tài sản được quy định trong hợp đồng thế chấp	Các khoản vay trên đã quá hạn





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)****4.14 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

Số	Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (1.000 VND)	Nợ gốc (1.000 VND)	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo	Tình trạng nợ vay
(iii)	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 25673/21MB/HĐT Đ ký ngày 13/12/2021	10.000.000	7.858.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ, hiện tại đã quá hạn nên lãi suất bằng 150% lãi suất ban đầu	Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Các tài sản được quy định trong hợp đồng thế chấp	Các khoản vay trên đã quá hạn
(iv)	Hợp đồng tín dụng số 18791.18.257.133 9407.TD ngày 03/7/2018	10.500.000	1.052.485	48 tháng	Lãi suất thả nổi	Phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty	Các tài sản hình thành từ vốn vay	Các khoản vay trên đã quá hạn
	Hợp đồng tín dụng Số 27577.19.257.133 9407.TD ngày 19/07/2019	2.471.000		48 tháng	Lãi suất thả nổi	Đầu tư thiết bị công trực và cần trực	Các tài sản hình thành từ vốn vay	Các khoản vay trên đã quá hạn
	Hợp đồng tín dụng số 33837.19.257.133 9407.TD ngày 11/09/2019	10.290.000		48 tháng	Lãi suất thả nổi	Phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty	Các tài sản hình thành từ vốn vay	Các khoản vay trên đã quá hạn

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty vẫn đang làm việc với Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện cơ cấu các khoản Vay và nợ thuê tài chính. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của sự kiện tái cơ cấu này. Do vậy, chưa có cơ sở đánh giá được số khả năng có thể trả nợ cho các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)****4.15 Vốn chủ sở hữu****4.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(135.554.510)	106.070.680.222
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(34.559.684.006)	(34.559.684.006)
Tại ngày 31/12/2022	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(34.695.238.516)	71.510.996.216
Tại ngày 01/01/2023	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(34.695.238.516)	71.510.996.216
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(102.600.753.559)	(102.600.753.559)
Tại ngày 31/12/2023	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(137.295.992.075)	(31.089.757.343)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

**4.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Vũ Kế Chương	14.791.620.000	17,83	3.745.060.000	4,51
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp nặng Việt Hải	-	-	11.046.560.000	13,31
Nguyễn Xuân Kỳ	11.903.700.000	14,34	11.903.700.000	14,34
Trần Xuân Trường	6.549.830.000	7,89	6.549.830.000	7,89
Hoàng Sĩ Khang	6.985.290.000	8,42	6.985.290.000	8,42
Vũ Khắc Nhiên	6.985.290.000	8,42	6.985.290.000	8,42
Hoàng Trung Kiên	5.198.350.000	6,26	5.198.350.000	6,26
Cổ đông khác	30.568.350.000	36,84	30.568.350.000	36,84
<b>Cộng</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>100</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>100</b>

**4.15.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
- Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
- Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.15.4 (Lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(102.600.753.559)	(34.559.684.006)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.298.243	8.298.243
<b>(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>(12.364)</b>	<b>(4.165)</b>

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu bằng với (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	<b>Năm 2023</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>
Doanh thu xây lắp	66.668.731.734	90.663.937.536
Doanh thu bán phế liệu	12.367.176.510	27.839.406.544
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	1.200.000.000	1.150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.235.908.244</b>	<b>119.653.344.080</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2023</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>
Giá vốn xây lắp	54.234.193.368	53.703.771.261
Giá vốn bán phế liệu	12.329.295.649	27.840.558.444
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	52.666.884	1.417.671.982
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.665.620.830	-
<b>Cộng</b>	<b>78.281.776.731</b>	<b>82.962.001.687</b>

**5.3 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2023</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	58.271.676.575	31.834.666.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.857.094	6.775.975
<b>Cộng</b>	<b>58.362.533.669</b>	<b>31.841.442.328</b>

**5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2023</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	8.829.588.266	14.602.027.236
Chi phí vật liệu văn phòng	68.107.870	139.802.634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	857.384.023	865.306.201
Dự phòng phải thu khó đòi	5.261.089.042	7.088.512.010
Thuế và các khoản lệ phí	560.304.080	519.037.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	472.102.862	635.178.511
Chi phí khác bằng tiền	1.276.980.348	1.009.972.369
<b>Cộng</b>	<b>17.325.556.491</b>	<b>24.859.836.164</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP)**

**5.5 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	92.592.593	512.069.083
Tiền phạt thu được	537.802.100	-
Các khoản khác	479.771.715	153.915.606
<b>Cộng</b>	<b>1.110.166.408</b>	<b>665.984.689</b>

**5.6 Chi phí khác**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phạt vi phạm hợp đồng	881.664.891	2.135.386.858
Các khoản phạt hành chính, chậm nộp, thuế phải nộp theo thông báo thuế (i)	15.532.639.317	12.662.811.432
Tiền phạt chậm trả lãi vay	95.672.903	-
Tiền chậm nộp BHXH (ii)	7.851.524.940	-
Ghi giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.332.657.108	-
Các khoản khác	12.000.004	754.670.253
<b>Cộng</b>	<b>29.706.159.163</b>	<b>15.552.868.543</b>

(i) Xem chi tiết tại Thuyết minh 4.11 "Thuế và các khoản phải khác nộp Nhà nước".

(ii) Theo thông báo đóng BHXH tháng 12 năm 2023 của BHXH Thành phố Hải Phòng.

**5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và (lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP)**

**5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>(Lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>(101.865.112.403)</b>	<b>(34.367.373.664)</b>
<b>Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận</b>	<b>104.543.318.181</b>	<b>38.146.898.728</b>
Chi phí không được trừ	29.706.159.163	38.146.898.728
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm	(361.227.429)	-
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.665.620.830	-
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	5.261.089.042	-
Chi phí lãi vay không được trừ năm nay (i)	58.271.676.575	-
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>2.678.205.778</b>	<b>3.779.525.064</b>
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	(2.817.973.354)
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>2.678.205.778</b>	<b>961.551.710</b>
Thuế suất (%)	20%	20%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>535.641.156</b>	<b>192.310.342</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước (ii)	200.000.000	-
<b>CP thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>735.641.156</b>	<b>192.310.342</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	457.414.716	265.104.374
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.193.055.872</b>	<b>457.414.716</b>

(i) Các khoản chi phí lãi vay tạm thời không được trừ được phép chuyển vào các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị quyết số 132/2020/NĐ-CP ngày 17/11/2020.

(ii) Công ty đang tạm ghi nhận theo Quyết định số 5050/QĐ-CTHPH ngày 28/11/2023 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng và có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

**5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	17.683.849.380	32.373.617.395
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.676.158.214	36.303.845.957
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	49.191.004	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.401.417.933	8.839.029.946
Thuế và các khoản lệ phí	560.304.080	519.037.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.447.436.543	6.106.952.779
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.665.620.830	-
Dự phòng phải thu khó đòi	5.261.089.042	7.088.512.010
Chi phí khác bằng tiền	10.046.161.320	33.102.803.569
<b>Cộng</b>	<b>87.791.228.346</b>	<b>124.333.798.859</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**6 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh sản xuất là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty.

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Vay**

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Ông Vũ Kế Chương		
Vay thêm	300.000.000	11.549.999.999
Trả gốc vay	4.722.500.000	3.220.000.000

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Vũ Kế Chương Chủ tịch Hội đồng quản trị	313.490.000	310.495.000
Trần Xuân Trường Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc	-	-
Vũ Xuân Dũng Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
Trương Đức Thành Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/6/2023)	-	256.448.500
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>		
Nguyễn Trung Hiếu Tổng Giám đốc	322.793.000	161.176.000
Nguyễn Giám Hiệu Phó Tổng Giám đốc	221.546.645	276.556.196
Nguyễn Quang Vinh Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 17/5/2022)	-	71.734.000
Lê Thị Minh Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/6/2023)	272.531.000	270.867.500
Vũ Thị Ngà Kế toán trưởng	256.950.000	-
<b>Cộng</b>	<u><b>857.829.645</b></u>	<u><b>1.076.409.696</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

*Thu nhập của Ban Kiểm soát*

		<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Vũ Thị Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 30/6/2023)	-	-
Phùng Phương Linh	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 30/6/2023)	89.536.800	176.577.700
Nguyễn Quang Thi	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Đào Anh Nghi	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
<b>Cộng</b>		<u><b>89.536.800</b></u>	<u><b>176.577.700</b></u>

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại Thuyết minh 4.13 "Phải trả ngắn hạn khác".

**7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty vẫn đang làm việc với Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện cơ cấu các khoản vay và nợ thuê tài chính nhưng hai bên chưa đưa ra kết luận cuối cùng. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của sự kiện tái cơ cấu này.

Ngoài ra, trong năm 2024 Công ty đã và đang thực hiện ký kết các hợp đồng kinh tế quan trọng để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**7.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp để thông tin tài chính được trình bày phù hợp với số liệu năm nay.



**Vũ Kế Chương**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

**Vũ Thị Nga**  
Kế toán trưởng

**Đỗ Thị Thúy**  
Người lập